

TÌM HIỂU KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CHĂM

TS. Thành Phần*
(Dharbhan Po Dam)

Kiến trúc truyền thống là một loại hình văn hóa được biểu hiện dưới dạng thức của văn hóa vật chất, là toàn bộ những gì do bàn tay và khối óc của con người trực tiếp sáng tạo nên hầu đáp ứng yêu cầu đời sống và tinh thần của con người. Vì vậy, kiến trúc truyền thống là của cải của toàn bộ nhân loại, một mặt biểu hiện điều kiện sinh hoạt và trình độ phát triển xã hội của mỗi dân tộc, mặt khác còn biểu hiện những đặc điểm tộc người và những mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa các dân tộc cùng công cư trên một địa bàn cư trú. Cho nên, nghiên cứu kiến trúc truyền thống sẽ cho ta một nguồn tư liệu rất quý giá để góp phần vào việc nghiên cứu vấn đề lịch sử dân tộc cũng như các vấn đề phát triển tộc người, về những đặc điểm văn hóa và mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

Kiến trúc truyền thống không chỉ đơn thuần là một công trình xây dựng mà nó còn phản ánh sinh hoạt hằng ngày của con người. Trong quá trình sinh hoạt, các dân tộc đã tự mình tạo ra các loại hình kiến trúc truyền thống khác nhau một cách phong phú và đa dạng. Trong đó, mỗi đặc điểm của mỗi loại hình kiến trúc truyền thống đều có liên quan đến vật liệu xây dựng, cơ cấu kiến trúc, sơ đồ mặt bằng, mà công dụng của nó nhằm đáp ứng sinh hoạt kinh tế, xã hội và văn hóa của mỗi tộc người khác nhau. Do đó, việc nghiên cứu kiến trúc truyền thống sẽ góp phần vào việc giới thiệu sự sáng tạo của các tộc người trong nền văn hóa nhân loại. Nó giúp chúng ta thấy được sự giao lưu văn hóa, quá trình phát triển của từng giai đoạn tộc người và đặc điểm riêng biệt của từng tộc người.

Từ lâu, vấn đề kiến trúc truyền thống đã và đang được nhà nước của nhiều quốc gia xem là vấn đề quan trọng. Nhất là trong thời đại ngày nay, tốc độ xây dựng và phát triển nông thôn mới cùng với việc xây cất theo khuynh hướng hiện đại hóa ngày càng nhiều, dần dần nó sẽ thay thế những kiến trúc truyền thống xây dựng theo truyền thống dân tộc. Nếu không sớm nghiên cứu, thì chẳng bao lâu nữa những loại hình kiến trúc truyền thống này sẽ khó có thể tồn tại. Để đáp ứng vấn đề cấp bách trên, chúng ta cần phải tiến hành nghiên cứu một cách nhanh chóng hầu có thể cứu vớt phần nào những điều đang mất mát đang xảy ra, đồng thời tìm ra biện pháp hữu hiệu nhất nhằm ngăn chặn kịp thời quá trình đang làm sứt mòn dần tính đặc thù truyền thống khác nhau của mỗi dân tộc, trong đó, kiến trúc truyền thống của người

* Giảng viên chính Bộ môn Nhân Học, Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn – Đại Học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh.

Chăm cũng là một trong những đề tài mà chúng tôi cho là điển hình nhất để làm cơ sở cho việc nghiên cứu này.

Là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, kiến trúc truyền thống của người Chăm cũng có một lịch sử và truyền thống lâu đời. Do trải qua nhiều thế kỷ bị các cuộc chiến tranh, các cuộc thay triều đổi ngôi và khí hậu phá hoại nên nền kiến trúc truyền thống Chăm còn lại rất ít ỏi.

Đặc biệt trong quan hệ kinh tế sản xuất mới ngày nay, đời sống tinh thần và vật chất của người nông dân Chăm đang thay đổi về cơ bản. Sự chuyển biến giữa cái cũ và cái mới đã làm thay đổi tư tưởng, tình cảm và nếp sống cũ của dân tộc Chăm. Do đó, nền kiến trúc truyền thống Chăm đang trong quá trình phá hủy một cách mạnh mẽ khó có thể ngăn chặn được.

Với ý nghĩa khoa học và thực tiễn vừa trình bày ở trên, chúng tôi xin cung cấp một ít tư liệu về quan niệm của người Chăm trong kiến trúc truyền thống của họ mà chúng tôi đã thu thập được trên địa bàn điền dã dân tộc học hầu đóng góp phần nào vào việc nghiên cứu kiến trúc truyền thống Chăm sau này.

1. Các loại hình kiến trúc truyền thống của người Chăm:

Trong kiến trúc truyền thống của người Chăm có thể phân ra làm hai loại: loại hình kiến trúc tạm thời và loại hình kiến trúc cố định.

1.1. Loại hình kiến trúc tạm thời:

Loại hình kiến trúc tạm thời là loại hình kiến trúc được xây dựng không vững chắc nhằm mục đích sử dụng với thời gian ngắn như các loại hình kiến trúc dùng để phục vụ kinh tế, nghi lễ v..v

Dựa vào chức năng sử dụng, chúng ta có thể phân ra làm các loại hình sau đây:

Loại hình Kajang: dùng trong các lễ nghi như cưới xin (*Ndam Likhah caga*), ma chay (*Ndam Padhi, Ndam Patrip*), cúng bái (*Rija Nâgar, Rija harei, Rija giyep, Rija praong*), lễ thành đình (*Ndam Kareh, Ndam Katat*)...

Loại hình Rap: dùng để làm nhà bếp trong đám lễ *Rija praong* hoặc làm nhà lễ phủ trong lễ tang ma, lễ cưới xin hay dựng thành cái rạp dài dùng cho những người đến giúp đám lễ ăn cơm và nghỉ ngơi. Đây là một loại nhà phụ dùng trong các đám lễ. Ngoài ra, *Rap* còn dùng để làm bếp nấu nướng cho gia đình, làm nơi để dệt, làm chỗ nghỉ mát hoặc dùng làm nhà để xe bò...

Loại hình Tong: nơi ở tạm ngoài ruộng rẫy để phục vụ cho việc canh tác nông nghiệp.

Loại hình Tong Glaong: một loại hình kiến trúc cao từ 3 – 4m, dùng để giữ rẫy, giữ ruộng hoặc để chứa nông sản hay dùng cho nghi lễ.

Loại hình Sang Tong: là loại hình kiến trúc dùng để làm kho chứa nông sản.

Loại hình Raow: một loại hình kiến trúc đơn giản được xây dựng với qui mô nhỏ dùng cho gia cầm.

Loại hình Wal: một loại hình kiến trúc đơn giản được xây dựng với qui mô nhỏ dùng cho gia súc.

1.2. Loại hình kiến trúc cố định:

Loại hình kiến trúc cố định là loại hình kiến trúc được xây dựng tương đối vững chắc nhằm mục đích sử dụng với thời gian lâu dài như các loại hình kiến trúc dùng để ở hoặc dùng để phục vụ tín ngưỡng...

Căn cứ vào chức năng sử dụng, chúng ta có thể chia các loại hình kiến trúc cố định ra 8 loại hình chính:

Loại hình Sang Ye: là loại hình nhà ở cổ truyền của người Chăm hiện nay đang sống ở khu vực Nam Trung Bộ. Mọi cưới xin, ma chay. Cúng bái liên quan đến lễ nghi, phong tục và tập quán của người Chăm đều thực hiện ở đây. Con gái út sẽ là người được thừa hưởng ngôi nhà này khi lập gia đình.

Loại hình Sang Gan: là loại hình nhà ở được bố trí chắn ngang trước mặt tiền của *Sang Ye*, dùng làm nơi ở của cha mẹ và những đứa con chưa lập gia đình.

Loại hình Sang Mâyuw: là loại hình nhà ở được bố trí song song với *Sang Ye* (về phía nam của *Sang Ye*). Đây là nơi cư trú của gia đình đứa con gái lớn.

Loại hình Sang Ging: là loại hình kiến trúc chủ yếu dùng để làm nơi bố trí sinh hoạt bếp núc. Ngày nay, nhiều nơi đã chuyển thành loại hình nhà ở.

Loại hình Sang Halam: là loại hình kiến trúc chỉ dùng cho những người có chức sắc, giàu có dùng để ở và tiếp khách quý.

Loại hình Sang Mâygik: là loại hình kiến trúc dùng làm nơi cầu nguyện *Awluah*.

Loại hình Sang Po Yang: là loại hình kiến trúc dùng để làm nơi thờ phụng *Yang*.

Loại hình Bimong Kalan: là loại hình kiến trúc dùng để làm nơi thờ phụng *Patao Bia*.

2. Những quan niệm liên quan đến kiến trúc truyền thống của người Chăm:

Thông thường những công trình nghiên cứu trước đây ít quan tâm lưu ý tới những quan niệm liên quan đến các loại hình kiến trúc của người Chăm. Thực ra, những quan niệm này có ảnh hưởng ít nhiều tùy theo loại hình kiến trúc khác nhau. Nhất là việc liên quan đến vị trí và qui mô trong quá trình xây dựng.

Theo quan niệm của người Chăm, những công trình xây dựng liên quan đến các loại hình kiến trúc đền tháp là thuộc về vua chúa. Do đó, vị trí và qui mô của các đền tháp do vua chúa lựa chọn và quyết định. Chỉ riêng đối với nhà ở, người Chăm quan niệm là nơi an cư lạc nghiệp. Họ gắn liền số phận của mình vào ngôi nhà. Nếu sai phạm những điều kiêng kỵ thì chủ nhà sẽ bị “khuy nh gia bại sản” “có thể chết cả gia đình. Cho nên, đối với người Chăm công việc xây cất nhà ở là một công việc hệ trọng, cần phải chọn đất chọn hướng, chọn ngày giờ... xây cất nhà một cách thích hợp theo cách của người Chăm.

2.1. Cách chọn đất:

Thế đất chọn đất tốt nhất và lý tưởng nhất theo quan niệm của người Chăm là: *Cek Mraong, Kraong Birak; Glaong gah Pay, Bier gah Pur, Aya nduec gah Esan* (Núi phía Nam, sông phía Bắc, cao phía Tây, thấp phía Đông, nước chảy về hướng Đông Bắc). Do đó, đất phải cao ở phía Tây hoặc Tây Nam và thấp ở phía Đông hoặc Đông Bắc là địa hình tốt nhất. Còn cao về phía Bắc, thấp về phía Nam hoặc Tây Nam là thuộc loại đất xấu theo quan niệm của người Chăm. Vì vậy, khi đào giếng phải đào ở phía Bắc hoặc phía Đông Bắc của công trình xây dựng.

2.2. Cách chọn hướng

2.2.1. Hướng của các loại hình kiến trúc tạm thời:

Kajang Nam Likhah và *Kajang Rija Harei*: quay mặt về hướng Đông.

Kajang Ndam Kareh và *Kajang Rija Praong* và *Kajang Rija Mâklam*: quay mặt về hướng Tây.

Kajang Ndam Padhi: quay mặt về hướng Nam.

Kajang Ndam Cuh: quay mặt hướng Bắc.

Kajang Rija Nâgar: *Kajang Muk Rija* quay mặt về hướng Đông, *Kajang Rija Acar Tamâ Mânuk* quay mặt về hướng Đông, nhưng *Kajang Rija Acar Tabiak Pabaiy* lại quay mặt về hướng Tây.

2.2.2. Hướng của các loại hình kiến trúc cố định :

Tùy theo loại hình kiến trúc mà qui định theo hướng khác nhau:

SangYe : quay mặt về hướng Tây, đặt đòn dông theo chiều Đông Tây. Cửa chính mở hướng Tây và cửa phụ mở hướng Nam.

Sang Gan : cũng quay mặt về hướng Tây, nhưng đòn dông đặt theo chiều Bắc Nam: cửa chính mở hướng Tây, cửa phụ mở hướng Nam và cất trước mặt Sang Ye.

Sang Mâyuw : mặt quay về hướng Tây, nhưng đòn dông đặt theo chiều song song với Sang Ye, cửa mở về hướng Tây hoặc hướng Nam.

Sang Ging : quay mặt về hướng đông, mở cửa đối diện với Sang Ye. Đặt đòn dông theo chiều Bắc Nam.

Sang Halam : quay mặt về hướng Nam, đặt đòn dông theo chiều Tây Đông và mở cửa về phía Nam.

Sang Mâgik : cửa chính nhìn về hướng Đông đặt đòn dông theo hướng Tây Đông.

Bimong Kalan : mặt cửa chính mở về hướng mặt trời mọc.

Người Chăm quan niệm hướng Bắc là hướng của ma quỷ, nên nhà cửa tuyệt đối không quay mặt về hướng Bắc. Đây là hướng đi lại của *Mâla-un* (ma quỷ). Riêng *Ndam Padhi* của người Chăm Bini, *Kajang* mở về hướng Nam, nhưng hướng của đầu *Kajang* phải quay ra hướng Bắc là hướng của nghĩa địa.

Hướng Nam là hướng của trần gian, nhà ở có thể mở cửa về hướng Nam. Đây là hướng đi lại của *Dun-ya* (trần gian).

Hướng Tây là cửa đi của *Akarah* (âm phủ), cửa đi của những người chết để xuống *Akarah* (bên kia thế giới) nên cửa chính của *Sang Ye* bao giờ cũng mở về hướng Tây. Khi trong gia đình có người chết người ta sẽ đưa thi hài ra nằm ở *Duk Ye* (phòng khách của *Sang Ye*) để làm lễ mai táng. Hướng Tây còn là hướng của *Po Awluah*.

Còn hướng Đông là hướng của *Patao Bia* và *Po Yang* (vua chúa và thần linh) nên hướng này thường dành cho loại hình kiến trúc phục vụ cho vua chúa như *Bimong Kalan* (đền tháp). Riêng *Sang Po Yang* (đền thờ thần) những tượng thờ bố trí về hướng Đông nên mở cửa về hướng Tây.

2.2.3. Hướng cổng ngõ:

Tùy theo loại hình kiến trúc mà thiết kế các cổng theo các hướng phù hợp:

Cổng ngõ của *Kut* (nghĩa địa) mở về hướng Bắc.

Cổng ngõ của *Sang mâgik* (thánh đường) mở về hướng Đông Bắc.

Cổng ngõ của *Sang Po Yang* (đền thờ thần linh) mở về hướng Tây.

Cổng ngõ của *Bimong Kalan* (đền tháp) mở về hướng Đông.

Cổng ngõ của *Ala Sang Wang Liga* (nhà thường dân) mở về phía Tây Nam.

3. Đơn vị đo lường:

Đơn vị đo lường dùng trong công trình xây dựng kiến trúc truyền thống của người Chăm rất phong phú. Họ lấy bộ phận thân thể của con người làm thước mực để đo đạc như gang tay, bàn tay, ngón tay, cánh tay, hay bước đi... Mỗi đơn vị dài hay ngắn ứng với mỗi bộ phận của cơ thể con người đều có tên gọi riêng:

3.1. Đơn vị cơ bản gọi là HAN:

Han là đơn vị cơ bản tính từ cùi chỏ đến đầu ngón tay. Có ba loại *Han* dùng cho mỗi loại kiến trúc khác nhau:

- *HANDALAM*: từ cùi chỏ đến đầu ngón tay giữa. Dùng để đo các loại hình kiến trúc lâu đài.

- *HAN KRÂH*: từ cùi chỏ đến đầu ngón tay áp út. Dùng để đo các loại hình kiến trúc nhà ở.

- *HAN LINGIW*: từ cùi chỏ đến đầu ngón tay út. Dùng để đo các loại hình kiến trúc phục vụ cho nghi lễ.

3.2. Đơn vị nhỏ hơn HAN:

- *THUN*: chiều ngang của ngón tay (đơn vị nhỏ nhất).

- *TUK*: đốt ngón tay (1 tuk = 2 thun).

- *PAH*: chiều ngang của bàn tay.

- *IÉNG GALEH*: từ đầu ngón tay cái đến khớp xương cuối.

- *CAMBO*: từ đầu ngón tay cái đến đầu ngón tay trở, dùng để đo bất cứ các loại hình kiến trúc thuộc về nhà ở.

- *CAGAM BIMONG KALAN*: từ đầu ngón tay cái đến đầu ngón tay giữa, dùng để đo các loại hình kiến trúc thuộc đền đài.

- *CAGAM SANG DA NGNAOK*: từ đầu ngón tay cái đến đầu ngón tay áp út, dùng để đo các loại hình kiến trúc nhà ở.

- *CAGAM KAJANG*: từ đầu ngón tay cái đến đầu ngón tay út, dùng để đo các loại hình kiến trúc phục vụ cho nghi lễ.

- *CAKAONG IÉK*: từ cùi chỏ đến khớp xương cổ tay.

- *KATIT AHTAU*: từ cùi chỏ đến lổ nắm tay.

- *PAPUAK SAM*: từ cùi chỏ đến đầu xương của nắm tay.

3.3. Đơn vị lớn hơn HAN:

- *BARA*: từ khớp xương vai đến cuối ngón tay giữ.
- *AKI*: từ cùi chỏ của tay trái đến cùi chỏ của tay phải.
- *TAPA AKAN*: từ đầu ngón tay trái đến đầu của ngón tay phải, dùng đo các loại hình kiến trúc thuộc về nhà ở.
- *TAPA TANÁH RIYA*: từ đầu của gót chân trái đến đầu của gót chân phải, dùng để đo đất đai.
- *CAH CANAL*: từ đầu gối của chân này đến đầu gối của chân kia (đo bằng cách ngồi xếp bằng), dùng để đo cửa ra vào.

4. Công thức làm nhà:

Nhà lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp, bằng cách tính chiều dài của *Inâ nduec dal* (đòn tay) và *Inâ tabang cuak* (quá giang tay). Mỗi chiều dài của *Inâ tabang cuak* đều tương ứng với một con số nhất định đối với chiều dài của *Inâ nduec dal*.

- Nền nhà 23 han *Inâ nduec dal* thì 8 han *Inâ tabang cuak*.
- Nền nhà 17 han *Inâ nduec dal* thì cũng 8 han *Inâ tabang cuak*.
- Nếu muốn làm nhỏ hơn với: 10 han *Inâ nduec dal* thì 5 han *Inâ tabang cuak*.
+ 17 han *Inâ nduec dal* thì 6 han *Inâ tabang cuak*.
+ 9 han *Inâ nduec dal* thì cũng 6 han *Inâ tabang cuak*.

Theo quan niệm của đồng bào, nhà tốt nhất là lấy 16 han 1 *Cakaong iek Inâ nduec dal* x 6 han 5 *Ieng galeh Inâ tabang cuak*. Nhà trung bình là: 9 han *Inâ nduec dal* x 6 han *Inâ tabang cuak*.

Riêng đối với khuôn viên, người ta đo bằng sải chân (bước chân). Mỗi bước là 1 han.

- Khuôn viên lớn: 40 han bề rộng x 60 han bề dài.
- Khuôn viên nhỏ: 22 han bề rộng x 33 han bề dài.

Như vậy, công thức để tính khuôn viên (khuôn rào) là: 1 bề rộng = 2/3 bề dài.

5. Kỹ thuật xây dựng:

Cho đến nay kiến trúc truyền thống của người Chăm vẫn còn tồn tại dưới hai loại hình: kiến trúc gỗ và kiến trúc gạch. Kiến trúc gỗ truyền thống thường dùng cho việc xây dựng nhà riêng và các công trình công cộng. Còn kiến trúc bằng gạch chủ yếu dùng để xây dựng các đền tháp để tôn thờ các vua chúa. Ngày nay, hai loại hình kiến trúc này đang ở trong tình trạng phá hủy và biến mất dần. Do đó, việc quan tâm nghiên cứu về kỹ thuật xây dựng sẽ góp phần rất lớn cho việc khôi phục di sản vô giá này của đất nước ta.

5.1. Kỹ thuật xây dựng kiến trúc gỗ:

5.1.1. Vật liệu xây dựng:

Các vật liệu xây dựng đối với kiến trúc gỗ truyền thống của người Chăm chủ yếu là gỗ, tre, nứa, tranh, đá, mây, lạt và các loại dây leo...

Trong các loại vật liệu kiến trúc, gỗ là một trong các vật liệu xây dựng không thể thiếu được đối với kiến trúc truyền thống của người Chăm. Gỗ dùng để làm cột nhà lý tưởng nhất theo quan niệm của người Chăm là *Pah* (Căm xe) còn đòn tay thì phải kể đến trước hết là *Pal Mâh* (gáo giấy), kế mới đến *Lao* (Bằng lăng), sau nữa là *Cia* (Tiêu liêu). *Rui* thì người ta dùng cây *Tal* (Bần tằm), cây này rất chắc và bền. Sàn nhà thì dùng *Taitra* (cây thị) hay *Lao* (Bằng lăng) hoặc *Cia* (Tiêu liêu).

5.1.2. Quá trình xây dựng:

Quá trình xây dựng kiến trúc gỗ truyền thống của người Chăm, nhất là đối với việc xây dựng nhà ở, thường trải qua nhiều bước khác nhau: *Ruah Tanâh Ngap Sang* (chọn đất xây dựng), *Padang Akih Sang* (chọn hướng xây dựng), *Padang Baoh Mbang Wang Liga* (dựng cửa ngõ khuôn viên nhà), *Pang Gimâng Sang* (đóng cột nhà), *Padang Sang* (dựng cột nhà), *Laik Mal* (trái rui), *Kli Sang* (xây dựng vách nhà), *Tak Gak* (lợp mái nhà), *Raop Naong Thaop Krâ* (làm sàn nhà), *Tamâ Sang Biraw* (lễ vào nhà mới).

5.2. Kỹ thuật xây nhà bằng gạch:

5.2.1 Vật liệu xây dựng:

Vật liệu dùng để xây dựng đền tháp của người Chăm chủ yếu là gạch và đá. Theo sự khảo sát của một số nhà nghiên cứu hình dáng và kích thước của những viên gạch xây dựng đền tháp của người Chăm thường không đồng đều nhau, kích thước phổ biến: dài từ 15cm – 35cm, rộng từ 10cm – 18cm, dày từ 4cm- 8cm. Hình dáng viên gạch có hình khối chữ nhật vuông vức, ít cong vênh và nung chín đều. Màu sắc của gạch thường là đỏ tươi hay đỏ nhạt. Những viên gạch này làm từ nguyên vật liệu đất sét pha cát có thêm thành phần gia bằng trấu, tro than để tạo cho viên gạch có độ sộp.

So với vật liệu gạch, đá chiếm tỉ lệ ít hơn. Đá thường được xẻ thành khối hay thành tấm dùng ở những vị trí chịu lực nén cao như: cột chống cửa, mi cửa, diềm phân tầng mái, diềm góc tháp... Loại đá này gồm có hai loại: đá granit màu xanh nhạt, thô mịn, độ cứng, độ dai cao, chịu lực nén tốt và đá Silich màu xám đỏ, độ cứng cao, kết cấu ổn định, đục chạm ít nứt mẻ.

5.2.2. Chất kết dính:

Theo nhiều kết quả khảo sát nghiên cứu gần đây cho rằng, người Chăm đã sử dụng các loại chất kết dính thực vật để xây dựng các ngôi tháp. Chất kết dính này có thể là các loại cây họ đậu cho nhiều nhựa như dầu rái (Trần Kỳ Phương, 1980).

Ngoài ra, người Chăm còn sử dụng chất kết dính từ thực vật như chất kết dính lấy từ cây xương rồng (Ngô Văn Doanh, 1978) hay dung dịch đất sét (Awawrenczak và Skibinski, 1987). Đặc biệt, trong trường hợp của tháp Pô Rôme (ở Ninh Thuận) và những năm gần đây, người ta vẫn còn nhìn thấy rất rõ những chất kết dính chảy ra từ những kẽ của viên gạch. Thấy là một loại nhựa cây, màu nâu. Loại chất kết dính này bao gồm hỗn hợp dầu rái và vôi. Bên cạnh việc dùng nhựa cây người Chăm còn dùng nhót của các loại cây để làm chất kết dính như nhót của các loại cây ô dước, bời lời, dâm bụt v.v... (Trần Bá Việt, 2000).

5.2.3. Công đoạn xây dựng:

Công đoạn xây dựng đền tháp bằng gạch của người Chăm, cho đến nay vẫn còn nhiều điều bí ẩn đối với nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Chính vì vậy, gần một thế kỷ nay, khi tiếp cận với kiến trúc truyền thống của người Chăm, nhiều người đã chú ý đến công đoạn xây dựng đền tháp, mong từ đó đặt cơ sở cho việc lý giải những bí ẩn xung quanh loại hình kiến trúc độc đáo này.

Hiện nay, có khá nhiều giả thuyết khác nhau khi lý giải về kỹ thuật xây dựng đền tháp của người Chăm, nhưng tựu chung lại có thể chia những giả thuyết này thành mấy dạng như sau:

5.2.3.1. Công đoạn xây dựng đền tháp theo giả thuyết khối xây mài chập:

Theo giả thuyết này cho rằng: “Để xây dựng đền tháp của người Chăm, có thể dùng các viên gạch nung nhẹ lửa được mài liên tục cho đến khi chúng chập khít vào nhau. Trong quá trình mài luôn luôn có sự có mặt của nước và chất kết dính. Sau khi mài kết hợp với nhau tạo thành một hỗn hợp có tính kết dính ban đầu. Do gạch Chăm có độ rộng sớp và độ hút nước cao nên màng mỏng chất kết dính này hình thành vô số các chân gắn chặt vào mặt các bề mặt viên gạch góp phần liên kết các viên gạch với nhau” (Trần Bá Việt, 2000).

5.2.3.2. Công đoạn xây dựng đền tháp theo giả thuyết kỹ thuật mài xếp:

Khác với giả thuyết kỹ thuật khối xây mài chập, giả thuyết này cho rằng: “Khi xây dựng đền tháp người Chăm không cần dùng chất kết dính mà chỉ mài mặt tiếp xúc của các viên gạch trong nước cho nhẵn và phẳng rồi xếp theo vị trí của cây tháp. Sau khi khô các viên gạch dính chặt với nhau một cách khá chắc” (Trịnh Cao Tường, 1985).

5.2.3.3. Công đoạn xây dựng đền tháp theo giả thuyết nung tháp:

Theo giả thuyết này, tháp được nung lại toàn bộ một lúc sau khi đã được xây dựng từ những viên gạch nung bằng dung dịch đất sét (Awawrenczak và Skibinski, 1987) hoặc tháp được nung sau khi xây dựng từng những viên gạch mộc bằng cách xây bằng gạch mộc ướt, mỗi ngày xây 4 – 5 lớp, khi xây lên cao đến 1,5m, chất củi

xung quanh, sau đó tiếp tục đứng lên lớp củi xây tiếp cho đến khi xong tháp. Cuối cùng đốt lửa nung đỏ tháp (Hoàng Đăng Long và Trần Ngọc Quế, 1988).

5.2.3.4. Công đoạn xây dựng đền tháp theo truyền thuyết của người Chăm:

Theo truyền thuyết của người Chăm, do ông Đổng Chức² kể lại, đền tháp của người Chăm được xây dựng bằng gạch mộc còn ướt chưa nung. Trước khi xây, những viên gạch này đều phải được nhún vào dầu thực vật, rồi mới dùng xây tháp liền ngay lúc đó. Khi xây lên cao khoảng 1m – 1,5m thì ngừng lại để cho gạch khô và kết dính với nhau, rồi lấp đất xung quanh tường tháp đã xây. Sau đó, họ tiếp tục đứng trên lớp đất này xây tiếp cho đến khi xong tháp. Xây tới đâu lấp đất theo tới đó cho đến tận ngọn tháp cuối cùng họ đốt lửa nung đỏ tháp.

Khi tháp nung chín đỏ đều xong, người ta dùng lớp đất lấp xung quanh bên ngoài tháp thay cho giàn giáo, bằng cách gạt lớp đất này ra ngoài tạo thành một mặt bằng xung quanh tháp để cho thợ điêu khắc tiến hành trang trí. Công đoạn trang trí được tiến hành từ ngọn tháp xuống dần dần đến chân tháp. Trang trí tới đâu người ta gạt đất ra tới đó cho phù hợp với thể ngồi của người thợ trang trí và điêu khắc. Hình tháp sẽ lộ ra dần dần khi những lớp đất này được gạt ra. Cuối cùng khi những lớp đất được gạt ra hết thì tháp sẽ hiện ra nguyên hình hoàn chỉnh (Thành Phần, 2000).

Quá trình xây dựng *Bimong Kalan* (đền tháp) có thể tóm tắt qua 8 giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: chuẩn bị chất kết dính.
- Giai đoạn 2: đúc gạch theo khuôn đã định sẵn.
- Giai đoạn 3: nhún gạch vào chất kết dính.
- Giai đoạn 4: xếp gạch theo mô hình tháp.
- Giai đoạn 5: lấp đất chung quanh tháp.
- Giai đoạn 6: nung tháp.
- Giai đoạn 7: gạt đất ra để làm giàn giáo trang trí và điêu khắc.
- Giai đoạn 8: gạt dũa và hoàn chỉnh toàn bộ khối tháp.

(Xem thêm chú thích)

6. Kết luận:

Kiến trúc truyền thống của người Chăm là một trong những loại hình kiến trúc có nhiều giá trị lịch sử và thẩm mỹ cao. Mỗi loại hình kiến trúc không chỉ là một công trình phản ánh đặc trưng văn hoá, xã hội, tôn giáo và tín ngưỡng của người Chăm mà còn là một tác phẩm nghệ thuật được nhiều giới khoa học trong và ngoài nước đánh giá cao. Nhưng do sự hủy hoại bởi môi trường, thời gian, chiến tranh và con người, cho nên, rất ít những công trình kiến trúc truyền thống của người Chăm còn giữ được tính chất nguyên vẹn như thuở ban đầu của nó.

Do đó, việc trùng tu, khôi phục và bảo tồn là điều rất cần thiết đối với di sản văn hoá của người Chăm. Để cho công việc trùng tu, khôi phục và bảo tồn đạt hiệu quả cao, chúng tôi thiết nghĩ cần phải có một chương trình nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống, trong đó, có sự phối hợp nhiều ngành khoa học với nhau như kiến trúc, xây dựng, dân tộc học, khảo cổ học, lịch sử, địa lí, bảo tàng...

CHÚ THÍCH:

Trích nội dung tư liệu điền dã về kỹ thuật xây dựng đền tháp Chăm (Thành Phần, 2000):

Ông Đồng Chức (85 tuổi, Palei Padra, thôn Như Bình, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) là người thường đọc nhiều văn bản cổ và am hiểu phong tục tập quán Chăm. Theo Ông cho đến nay vẫn chưa tìm thấy văn bản cổ nào viết về kỹ thuật xây dựng kiến trúc đền tháp bằng gạch của Người Chăm. Do đó, những nội dung do Ông Đồng Chức kể dưới đây chỉ là những truyền thuyết được kể lại từ những vị bô lão Chăm mà thôi. Chúng tôi xin trích lại một phần nội dung ghi âm vào ngày 28 tháng 9 năm 2000 để làm tài liệu tham khảo:

“... Urang mâng kal lac, ngap bimong di tanâh daok min, ngap tal hahei, kuoc haluk tuh tagok tal nan, yau nan ye bimong yang mâng hu glaong. Daok mbon nan, ka yua mâk kua haluk dalah min, nan mâng jrâng mbon.

Bimong Yang hu daleh hu karaik vek tra o. Urang dak kiak tal halei, urang tuh haluk tal nan, mboh urang ndom yau nan. Tha mbang ngap Yang bimong Yang Kran, dun-ya ngap ye nan, hu tuh gaih o, nan ye ni mâng carah abih. Mboh urang taha ndom min, hu akhar o.

Urang mâk hagait ba kiak gam gep? Urang mâng kal mâk manyak damgok ngap ka kiak gam gep. Maniak damgok nan manyak ngaow, manyak kanwang.

Urang mâk kiak matah njuk manyak damgok nan, blaoh caik dak di gep. Tal manyak nan thu, nyu njuk di gep nyu jrâng ngap yau tha khuk patau.

Kiak nan ngap mada min, ka hu cuh hagait o, loi natah min, ngap yau haluk matah min, ka cuh pathak o. Ba mai tal njuk tama di manyak damgok. Blaoh ba nao dak di gep mâng tak nan, hu loi soi o, nan ka mâng nyu njuk gap nyu. Yau nan ka mâng nyu gam gep.

Ngap thi bal nyu bhong? Bhong kayua bhong.

Ngap yau, ngap Yang Dang Dih. Tuh haluk 4 kieng ka, urang tuh haluk praong rilo mâng ngap. Blaoh kua haluk vek. Yak ni daok nâmmâk praong rilo.

Mâng tak dikal, Raglai mâng khin ndik di angaok bimong jah glai, jak phun kayau tamu di angaok bimong. Tal akaok thun mai mboh Raglai ndik jah harek,

harom di angaok bimong. Nan ye mâng livik mai ka hu mboh Cam ngap o. Cam hoic khin ndik o. Cam khin ndil bimong Po di angaok bimong. Nan ye mâng livik mai ka hu mboh Cam ngap o. Cam hoic khin ndik o. Cam khin ndil bimong Po Yang o. Raglai min khin ndik”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Awawrenvzak, S.S. Kibinski, 1987. *Góp phần nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chàm*, Tạp chí khảo cổ học, số 1, tr. 60 – 63.
2. Bùi Mạnh Phụng 1985. *Lê Văn Chỉnh và những viên gạch Chàm*, Tạp chí Du lịch Quảng Nam – Đà Nẵng, Số 6 (tháng 7), tr. 14.
3. Chu Quang Trứ, 2000. *Một hiệu ứng tu sửa tháp Chăm*, Tạp chí Xây Dựng, số 9, tr. 24 – 25.
4. Claeys, 1933. *Introduction à L'étude L'Annam et du Champa*, Hà Nội.
5. Hồ Xuân Tịnh, 1990. *Bàn về kỹ thuật xây dựng tháp Chàm*, Trong Thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học, Hà Nội, tr.223 - 226.
6. Hoàng Đăng Long, Trần Ngọc Quế, 1988. *Chất kết dính và kỹ thuật xây dựng tháp Chàm – Bài báo cáo khoa học tại Hội nghị thông báo khảo cổ học năm 1988*.
7. Hoàng Đạo Kính và Kazimier Kwiatkowski, 1985. *Năm năm tu sửa Tháp Chàm(1981 – 1985)*, Tạp chí khảo cổ học, số 3, tr. 51- 56.
8. Hoàng Đạo Kính, 2000. *Bảo tồn các di tích văn hóa Chăm, một vài vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp Chí Kiến Trúc, Số 3, tr. 40-43
9. Hoàng Đạo Kính, 2000. *Bảo tồn di tích văn hóa Chăm*, Tạp chí Xưa và Nay, Số 75, tr.20
10. Kazimier Kwiatkowski, 1995. *Thực chất vấn đề bảo tồn kiến trúc Chăm*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, tr. 117-118.
11. Lê Bá Thảo, 1977. *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, tr. 196 – 210.
12. Lê Đình Phụng, 1987. *Tìm hiểu kỹ thuật xây dựng tháp Chàm - Bài báo cáo khoa học tại hội nghị thông báo khảo cổ học năm 1987* .
13. Lê Đình Phụng, 1990. *Kỹ thuật xây dựng tháp chàm một chặng đường nghiên cứu*, Tạp Chí khảo cổ học, số 1.
14. Lenba Z., 1928. *Un royaume disparu : Les Chams et leurs arts*, Paris et Bruxelles.
15. Lương Ninh, 1987. *Góp phần tìm hiểu kỹ thuật xây dựng tháp Chàm – Bài báo cáo khoa học tại Hội nghị thông báo khảo cổ học năm 1987*.

16. Maspéro M.G. 1928. *Le Royaume du Champa*, Paris et Bruxelles, 1928, tr.37.
17. Đặng Kim Ngọc, 1983. *Những thu hoạch mới về tháp Chăm*, Trong Thông báo Những phát hiện mới về khảo cổ học, Hà Nội, tr. 189 – 190.
18. Đặng Văn Bài, 1995. *Các di tích Chăm – vấn đề bảo tồn và phát huy*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, tr. 4 – 7.
19. Nghiêm Thẩm và Lưu Quý Tân, 1962. *Tờ trình về việc đi xem công tác xây cất hai ngôi đền tại Kalong và Sopuadsphay để chứa bảo vật của các vua Chăm và thăm tháp Po Dam, tháp Phổ và đền thờ vua Po Hrop*, Viện Nam khảo cổ tập san, số 3, Sài Gòn, tr . 245 - 254.
20. Ngô Văn Doanh, 1986. *Nghệ thuật kiến trúc cổ của Champa*, Văn hóa Nghệ Bình, số 3&4 .
21. Ngô Văn Doanh, 1986. *Tháp Chăm – ghi chép điền dã 1985*, Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, số 5, tr. 20 – 26.
22. Ngô Văn Doanh, 1987. *Suy nghĩ về kỹ thuật xây dựng tháp Chăm – Bài báo cáo khoa học tại Hội nghị thông báo khảo cổ học năm 1987*.
23. Ngô Văn Doanh, 1994. *Tháp cổ Champa sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 250 trang.
24. Ngô Văn Doanh. *Tháp cổ Champa trong lòng lịch sử*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, tr. 54 - 71 .
25. Nguyễn Duy Hinh, 1988. *Kalan Chăm – nhận thức mới*, Tạp chí Khảo cổ học, số 1, Hà Nội, tr. 59.
26. Nguyễn Quốc Hùng, 1995. *Kỹ thuật xây dựng kiến trúc Chăm và công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo & phát huy tác dụng*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, tr. 25 - 53.
27. Nguyễn Xuân Lý, 1991. *Vài nhận xét về di tích kiến trúc Chăm ở Thuận Hải*, Trong Tạp chí Khoa học Xã hội, số 7, tr.72 - 80.
28. Parmentier. H., 1909. *Inventaire Descript IF des monuments Cham de L' Annam*, Paris.
29. Phan Thanh Lữ, 1999. *Bước đầu tìm hiểu kiến trúc thánh đường Hồi giáo của người Chăm ở Tp. Hồ Chí Minh*, khóa luận chuyên ngành dân tộc học, Tp. Hồ Chí Minh, 38 trang .
30. Phan Xuân Biên (chủ biên), 1990. *Người Chăm ở Thuận Hải*, sở Văn hóa thông tin Thuận Hải, 372 trang.
31. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp, 1991. *Văn hóa Chăm*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 395 trang.
32. Po Dharma, G. Moussay và Abdul Karim,2000. *Nai Mai Mang Makah*, Koleksi Manuskrip Melayu Campa, N^o 3, Kuala Lumpur, 162 p.

33. Stern, 1942. *L'art du Champa et Son évolution* – Toulouse.
34. Thành Phần, 1979. *Bước đầu tìm hiểu về nhà cửa của đồng bào Chăm (Cam Bini) vùng Phan Rang – Thuận Hải*, Luận văn tốt nghiệp, 147 trang.
35. Thành Phần, 1990. *Một số quan niệm về kiến trúc dân gian của người Chăm* – Bài báo cáo khoa học tại Hội nghị văn hoá Chăm 1995.
36. Thành phần, 2000. *Tư liệu điền dã về kỹ thuật xây dựng Bimong Kalan (đền tháp)*, tại Palei Padra, thôn Như Bình, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, ngày 28 tháng 9 năm 2000.
37. Trần Bá Việt, 2000. *Nghiên cứu kỹ thuật xây dựng các tháp Chăm*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, số 3, tr. 84 – 54.
38. Trần Kỳ Phương, 1980. *Thêm vài nhận xét về kỹ thuật xây dựng tháp Chăm*, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1980, tr. 189 - 190.
39. Trần Kỳ Phương, 1983. *Những hiện vật trang trí kiến trúc mới phát hiện ở tháp Chăm – Phú Hưng (Quảng Nam – Đà Nẵng)*, Trong Thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học, Hà Nội, tr. 185 – 186.
40. Trịnh Căn, 1988. *Thêm tư liệu về kỹ thuật xây dựng Tháp Chăm*, Trong Những phát hiện mới về khảo cổ học, Hà Nội, tr. 195 – 196.
41. Trịnh Cao Phát, 1985. *Góp thêm bằng chứng về kỹ thuật xây dựng tháp Chăm*, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985, tr. 245 – 246.